

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2022/DS-PT

Ngày: 13-12-2022.

V/v *Tranh chấp về hợp đồng dân
sự vay tài sản.*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Vân

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Châu Thạch

Ông Nguyễn Văn Thanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Phương Chi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*”.

Do Bản án Dân sự số 76/2022/DS-ST ngày 07/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 291/2022/QĐ-PT ngày 10/11/2022. Quyết định hoãn phiên tòa số 636/2022/QĐ-PT ngày 29/11/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông **Lê Hữu L**, sinh năm 1970

Bà Hồ Thị B, sinh năm 1974

Địa chỉ: thôn 1, xã ĐĐ, huyện H, tỉnh Lâm Đồng

Bị đơn: Vợ chồng ông **Kơ Să T**, sinh năm 1975

Bà K’ D, sinh năm 1982

Địa chỉ: thôn 1, xã ĐĐ, huyện H, tỉnh Lâm Đồng

Người kháng cáo: Bị đơn vợ chồng ông Kơ Sa T, bà K’D.

(Ông L, bà B, bà K’D có mặt tại phiên tòa, ông Kơ Sa T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án, nguyên đơn vợ chồng ông Lê Hữu L, bà Hồ Thị B trình bày:

Vào ngày 15/12/2015, vợ chồng ông, bà có cho vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D vay số tiền là 120.000.000đ, có thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng, thời hạn vay là 02 tháng, khi vay thì thỏa thuận là bên vay có thể chấp lô đất có diện tích 4000m², đã có sổ đỏ. Việc vay mượn và thỏa thuận thế chấp có viết giấy tay nhưng không làm thủ tục thế chấp theo quy định của pháp luật. Tiếp theo ngày 20/12/2015, vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D lại vay của vợ chồng ông, bà tiếp 2 tấn cà phê nhân loại cà phê robusta và 15.000.000đ, thời hạn vay là 2 tháng. Khoản vay 15.000.000đ thì tính lãi theo lãi suất 1%/tháng. Khi vay vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D có thỏa thuận cầm cố cho ông, bà diện tích đất 6941m², thửa số 48, tờ bản đồ số 318D, cấp ngày 19/6/2000 đứng tên vợ chồng ông Kơ Să T, bà K' D. Khi vay thì vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D có viết giấy tay, việc cầm cố chỉ ghi trong giấy tay mượn tiền chứ các bên không làm thủ tục cầm cố, thế chấp theo quy định. Tổng cộng hai lần vay thì vợ chồng ông Kơ Să Tr bà K'D vay của vợ chồng ông, bà tổng số tiền là 135.000.000đ và 2 tấn cà phê nhân khô loại cà phê robusta. Việc cầm cố, thế chấp đất thì vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D chỉ ghi vào giấy mượn tiền, chứ thực tế ông, bà không cầm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các diện tích đất cầm cố ghi trong giấy mượn tiền và ông, bà cũng không quản lý và sử dụng diện tích đất mà vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D ghi vào trong các giấy mượn tiền. Đến hạn trả nợ vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D không trả nợ, vợ chồng ông, bà đã đòi nhiều lần nhưng vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D vẫn không trả nợ. Đến ngày 26/3/2018, vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D có viết giấy khất nợ hẹn đến ngày 30/4/2018 sẽ trả đủ nhưng đến hạn trả vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D vẫn không trả nợ. Tiếp theo đến ngày 26/8/2020, vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D lại viết giấy khất nợ hẹn đến 30/10/2020 sẽ trả đủ. Giấy khất nợ ghi ngày 26/8/2020 là do bà K'D ghi và ký trong đó có ghi số tiền gốc vay là 125.000.000đ là không đúng, mà tổng số tiền nợ gốc là 135.000.000đ mới đúng, do không kiểm tra kỹ nên ông, bà không yêu cầu bà K'D viết lại. Đến nay thì vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D vẫn không trả nợ cho vợ chồng ông, bà. Nay vợ chồng ông, bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D trả cho vợ chồng ông, bà số nợ

gốc là 135.000.000đ và 2 tấn cà phê nhân khô loại cà phê robusta theo giá cà phê trên thị trường tại thời điểm hiện nay và khoản tiền lãi của số tiền 135.000.000đ từ ngày vay đến nay với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Đối với việc vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D có ghi là cầm cố thế chấp diện tích đất cho vợ chồng ông, bà nhưng thực tế thì vợ chồng ông, bà không nhận cầm cố, thế chấp tài sản gì của vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D từ ngày vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D ký vay của vợ chồng ông, bà đến nay và việc cầm cố, thế chấp quyền sử dụng đất không lập hợp đồng cầm cố, thế chấp, không công chứng chứng thực, việc thỏa thuận cầm cố thế chấp này không giá trị pháp lý nên ông, bà không có ý kiến, yêu cầu gì. Trong giấy mượn tiền ghi ngày 15/12/2015 và giấy mượn tiền ghi ngày 20/12/2015 có chữ ký của K'Y, K'H là 02 con của vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D nhưng hai người này chỉ ký chứng kiến chứ không liên quan gì đến khoản vay này nên ông, bà đề nghị Tòa án không triệu tập làm việc đối với hai con của vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D là chị K'Y, chị K' H. Ngoài ra vợ chồng ông L, bà B không có yêu cầu nào khác.

Bị đơn vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D trình bày: Việc vợ chồng ông, bà viết giấy vay và vay của vợ chồng ông L, bà B tổng số tiền vay là 135.000.000đ và 2 tấn cà phê nhân khô loại cà phê robusta như vợ chồng ông L, bà B trình bày là đúng. Việc vợ chồng ông, bà hai lần khát nợ của vợ chồng ông L, bà B như ông L, bà B trình bày là hoàn toàn đúng. Việc thỏa thuận cầm cố, thế chấp quyền sử dụng đất thì vợ chồng ông, bà chỉ ghi vào giấy mượn tiền để làm tin chứ thực tế không hề có việc thế chấp, cầm cố quyền sử dụng đất như ông, bà đã ghi tại các giấy mượn tiền. Khi vay hai bên không có thỏa thuận lãi của số tiền vay. Từ ngày ký vay đến nay thì vợ chồng ông, bà chưa trả cho vợ chồng ông L, bà B được số tiền nợ và số cà phê nào. Nay vợ chồng ông L, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông, bà phải trả cho ông L, bà B số nợ gốc là 135.000.000đ và 2 tấn cà phê nhân khô loại cà phê robusta theo giá cà phê trên thị trường tại thời điểm hiện nay và khoản tiền lãi của số tiền vay 135.000.000đ từ ngày vay đến nay với mức lãi suất là 0,83%/tháng thì vợ chồng ông, bà chỉ đồng ý trả cho ông L, bà B số tiền gốc là 135.000.000đ và 2 tấn cà phê nhân khô loại cà phê robusta theo giá cà phê trên thị trường tại thời điểm hiện nay. Còn đối với khoản tiền lãi của số tiền vay 135.000.000đ từ ngày vay đến nay với mức lãi suất là 0,83%/tháng thì vợ chồng ông, bà không có khả năng trả, vợ chồng ông, bà xin số lãi này vì vợ chồng ông, bà hiện nay kinh tế

khó khăn không có khả năng trả lãi. Đối với việc thỏa thuận cầm cố, thế chấp quyền sử dụng đất thì ông, bà chỉ viết để làm tin chứ thực tế không hề có việc cầm cố, thế chấp quyền sử dụng đất nên ông, bà không có ý kiến, yêu cầu gì đối với phần thỏa thuận cầm cố, thế chấp đã ghi trong giấy mượn tiền. Vợ chồng ông, bà không có yêu cầu phản tố đối với bị đơn. Trong giấy mượn tiền ghi ngày 15/12/2015 và giấy mượn tiền ghi ngày 20/12/2015 có chữ ký của K'Y, K'H là 02 con của ông, bà và chỉ ký chứng kiến chứ không liên quan gì đến khoản vay này nên ông, bà đề nghị Tòa án không triệu tập làm việc đối với hai con của ông, bà. Đồng thời ông, bà đề nghị Tòa án áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện để xem xét, giải quyết không chấp nhận yêu cầu trả tiền lãi của nguyên đơn.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không hòa giải thành.

Tại bản án số 76/2022/DS-ST ngày 07/9/2022, Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Hữu L, bà Hồ Thị B về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản” với vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D.

Buộc vợ chồng ông Kơ Să T, bà K' D phải trả cho vợ chồng ông Lê Hữu L, bà Hồ Thị B số tiền nợ gốc là 135.000.000đ, nợ lãi là 40.338.000đ và số tiền trị giá 2 tấn cà phê nhân khô loại cà phê robusta là 99.000.000đ, cộng chung là 274.338.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Hữu L, bà Hồ Thị B về việc yêu cầu vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D trả số tiền lãi suất kể từ ngày vay đến ngày 06/9/2019 với mức lãi suất 0,83%/tháng trên khoản nợ gốc tính lãi là 135.000.000đ.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D phải nộp 13.717.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho vợ chồng ông Lê Hữu L, bà Hồ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.800.000đ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003394 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo và trách nhiệm thi hành án của các bên đương sự.

Ngày 16/9/2022 bị đơn vợ chồng ông Kơ Sa T, bà K'D có đơn kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng ông Kơ Sa T, bà K'D chỉ

đồng ý trả bằng cà phê cho ông L, bà B đối với 2.000kg cà phê nhân khô, ông Kơ Sa T, bà K'D không đồng ý quy ra thành tiền và đề nghị xem xét lại đối với số tiền lãi hơn 40.000.000đ mà bản án sơ thẩm đã tuyên. Đồng thời xem xét miễn giảm án phí cho bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay,

Bị đơn bà K'D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin nguyên đơn giảm phần lãi của số nợ gốc của khoản tiền vay là 135.000.000đ, chỉ đồng ý trả 2.000kg cà phê chứ không đồng ý quy ra thành tiền, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của vợ chồng ông Kơ Sa T, bà K'D đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng nêu ý kiến về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại giai đoạn phúc thẩm cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn; căn cứ khoản 1, Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Năm 2015 vợ chồng ông L, bà B cho vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D vay số tiền 135.000.000đ và 2 tấn cà phê nhân khô loại cà phê robusta. Do chưa có điều kiện trả nợ nên ông Kơ Să T, bà K'D đã khát nợ nhiều lần nên các bên thoả thuận lại thời hạn trả nợ là đến ngày 30/10/2020. Tuy nhiên, đến hạn ông Kơ Să T, bà K'D cũng không trả nên các bên phát sinh tranh chấp. Vợ chồng ông L, bà B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D trả cho vợ chồng ông L, bà B số tiền 135.000.000đ nợ gốc, 2 tấn cà phê nhân khô robusta theo giá tại thời điểm hiện nay và 36 tháng tiền lãi (*từ ngày 07/9/2019 đến ngày 07/9/2022*) với mức lãi suất 0,83%/tháng. Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*" là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn thì thấy rằng:

[2.1] Đối với khoản vay 02 tấn cà phê nhân khô loại cà phê robotsta, bị đơn kháng cáo yêu cầu được trả bằng cà phê, không đồng ý thanh toán tiền. Tuy nhiên; tại phiên tòa sơ thẩm thì hai bên thống nhất giá cà phê tại thời điểm là

49.500đ/kg, thành tiền là 49.500.000đ/tấn, nên Toà án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn 02 tấn cà phê nhân khô loại cà phê robusta tương ứng với số tiền 99.000.000đ là có căn cứ. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu tính lãi trên số tiền nợ gốc là 135.000.000đ của nguyên đơn thì thấy rằng. Trong giấy vay tiền các bên không thoả thuận lãi suất, vợ chồng ông T, bà D cho rằng khi vay không tính lãi suất nên được xác định là trường hợp không xác định rõ lãi suất. Do ông T, bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên phải chịu lãi suất theo quy định tương ứng với thời gian chậm thanh toán với mức lãi suất theo quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án ông L, bà B yêu cầu tính lãi từ ngày vay đến nay với mức lãi suất là 0,83%/tháng. Tuy nhiên, tại phiên toà sơ thẩm ông L, bà B chỉ yêu cầu trả lãi tính từ ngày 07/9/2019 đến ngày 07/9/2022 làm tròn là 36 tháng. Xét mức lãi suất và thời điểm yêu cầu tính lãi của vợ chồng ông L, bà B là phù hợp. Cụ thể: $135.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 36 tháng = 40.338.000đ$. Toà án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông L, bà B với số tiền 40.338.000đ là có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo này của bị đơn.

[2.3] Đối với yêu cầu xin giảm án phí: Bị đơn cho rằng gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh ông bà thuộc trường hợp được miễn, giảm nộp tiền án phí theo Điều 12, Điều 13 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc Hội nên không có căn cứ để miễn án phí cho bị đơn.

[3] Những phần khác của bản án không bị kháng cáo, kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Kơ Să T, bà K'D, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên ông Kơ Să T, bà K'D phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, án phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Kơ Să T, bà K'D.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Hữu L, bà Hồ Thị B về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” với vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D.

Buộc vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D phải trả cho vợ chồng ông Lê Hữu L, bà Hồ Thị B số tiền nợ gốc là 135.000.000đ (*một trăm ba mươi lăm triệu đồng*), nợ lãi là 40.338.000đ (*bốn mươi triệu ba trăm ba mươi tám ngàn đồng*) và số tiền 99.000.000đ (trị giá 2 tấn cà phê nhân khô loại cà phê robusta), cộng chung là 274.338.000đ (*hai trăm bảy mươi bốn triệu ba trăm ba mươi tám ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của vợ chồng ông Lê Hữu L, bà Hồ Thị B về việc yêu cầu vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D trả số tiền lãi suất kể từ ngày vay đến ngày 06/9/2019 với mức lãi suất 0,83%/tháng trên khoản nợ gốc tính lãi là 135.000.000đ.

2. Về án phí: Buộc vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D phải nộp 13.717.000đ (*mười ba triệu bảy trăm mười bảy ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010795 ngày 19/10/2022 và biên lai thu số 0003497 ngày 27/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà. Vợ chồng ông Kơ Să T, bà K'D còn phải nộp 13.417.000đ (*mười ba triệu bốn trăm mười bảy ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho vợ chồng ông Lê Hữu L, bà Hồ Thị B số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.800.000đ (*năm triệu tám trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0003394 ngày 15 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TANDTC (1);
- VKSND tỉnh LĐ (1);
- TAND H. Lâm Hà (02);
- Phòng KTNV&THA (1);
- Các đương sự (4);
- Lưu AV – HS (3).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Lê Thị Vân